

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2019.

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Phương;

Bà Huỳnh Ngọc Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1377/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; nơi cư trú: 99A ấp P, xã A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: 48D/2 khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1955; nơi cư trú: 99A ấp P, xã A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: 48D/2 khu phố T, phường An T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2018, các lời khai trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N và ông Đ tự nguyện quen biết và sống chung với nhau từ năm 1996 nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã An Sơn, huyện Thuận An (nay là thị xã Thuận An), tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do nhiều khác biệt trong suy nghĩ, dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Lý do dẫn đến mâu thuẫn là do ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, mà người phụ nữ đó lại là em dâu bà N nên vợ chồng thường xuyên bạo lực, gây gổ, xúc phạm nhau nên tình cảm vợ chồng càng phai nhạt. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn Đ. Về con chung: Bà N và ông Đ có 01 con chung là Võ

Nguyễn Kim N, sinh ngày 21/6/1997. Hiện nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn Đ không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà N được ly hôn với ông Đ, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung và nợ chung do không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại phường An Thạnh, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập để làm việc; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét bà Nguyễn Thị N và ông Võ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Sơn, huyện Thuận An (nay là thị xã Thuận An) vào năm 2006 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Phần trình bày của nguyên đơn về việc vợ chồng sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, thường xuyên cãi cọ, xô xát lẫn nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ thường xuyên bạo lực gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, phù hợp với chính lời trình bày của con ông Đức bà N là chị Võ Nguyễn Kim N.

Bị đơn ông Võ Văn Đ đã được Toà án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Toà án xem như bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng ông Đức đã vi phạm quy định này. Xét, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Đ là trầm trọng, vợ chồng không còn chăm sóc, thương yêu nhau, thường xuyên bạo lực gia đình, làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó có

căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên về việc cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Văn Đ.

Về con chung: Bà N, ông Đ có một người con chung là Võ Nguyễn Kim N, sinh ngày 21/6/1997. Do con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với ông Võ Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Văn Đ.

Về con chung: Do con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Do không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024659 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Ủy ban nhân dân xã An Sơn;
- Phòng Tư pháp thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ

